

**ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM
BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC Y DƯỢC**

Số: 2904/BVĐHYD-VTTB

V/v mời chào giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2023

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp hóa chất sát khuẩn và vật tư y tế tiêu hao theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp hóa chất sát khuẩn năm 2024.
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 06 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 25/9/2023.
9. Quy định về tiếp nhận thông tin và hồ sơ chào giá: Quý đơn vị thực hiện gửi hồ sơ chào giá online tại website của Bệnh viện và gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Phòng Vật tư thiết bị (Tổ Vật tư y tế tiêu hao), Tầng 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM.

Người liên hệ: Nguyễn Thị Kim Loan

Số điện thoại: 028 3952 5243

10. Yêu cầu khác:

Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:

- + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
- + Hồ sơ pháp lý, hồ sơ năng lực của nhà thầu;
- + Hợp đồng trúng thầu còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế trong vòng 120 ngày (nếu có);
- + Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, catalogue sản phẩm và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, VTTB (J22-282-ttbtran) (02).



BM: CVĐT.01(1)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Bắc

Handwritten signature

PHỤ LỤC: PHẠM VI CUNG CẤP VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

(Đính kèm Công văn số 2901/LBVĐHYD-VTTB ngày 15 tháng 9 năm 2023)

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng trong rửa máy chạy thận	- Thành phần: 1000 ml chứa 500g acid citric khan (475 - 525g) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	80
2	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng trong rửa quả lọc thận	- Thành phần: Peracetic acid 5%; Hydrogen Peroxide 25%, Acetic Acid: 9% (Tổng các thành phần dao động từ 37% đến 41%) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	10
3	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có Ethanol 70% + Propanol-2-ol 1.74%, chai 500 ml	- Thành phần: Ethanol 70%, Propanol-2-ol 1.74% (tổng các thành phần dao động từ 68% đến 75%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Thể tích đóng gói 500 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	11.000
4	Dung dịch tắm trước phẫu thuật 4% Chlorhexidine digluconate, chai 30 ml	- Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 30 ml ($\pm 5\%$) Đạt tiêu chuẩn: CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	23.850
5	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa cocamidopropyl betaine, Sodium C14-17 alkyl sulfonate, can 5 lít	- Thành phần: Cocamidopropyl betaine 3%, Sodium C14-17 alkyl sulfonate 1.8% (Tổng các thành phần dao động từ 3% đến 3.34%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn: CE*/FDA/EN/ASTM E	Can	325
6	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa cocamidopropyl betaine, Sodium C14-17 alkyl sulfonate, chai 500 ml	- Thành phần: Cocamidopropyl betaine 3%, Sodium C14-17 alkyl sulfonate 1.8% (Tổng các thành phần dao động từ 3% đến 3.34%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	1.474
7	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dùng trong phun sương khử khuẩn bề mặt môi trường chứa 0.13% peracetic acid + 2.5% hydrogen peroxide + 5% acetic acid	- Thành phần: Peracetic acid 0.13%, Hydrogen peroxide 2.5%, Acetic acid 5% (Tổng các thành phần dao động từ 7.25% đến 8%) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 2 lít ($\pm 5\%$) - Thời gian tiếp cận phòng ≤ 120 phút - Đạt các tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	250
8	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ trung bình 6.5% Didecyl dimethyl ammonium chloride + 0.074% Chlorhexidine digluconate, chai 1 lít	- Thành phần: Didecyl dimethyl ammonium chloride 6.5%, Chlorhexidine digluconate 0.074% (Tổng các thành phần dao động từ 6.2% đến 6.9%) - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	235

Handwritten signature

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
9	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ trung bình 6.5% Didecylmethyl ammonium chloride + 0.074% Chlorhexidine digluconate, can 5 lít	- Thành phần: Didecylmethyl ammonium chloride 6.5%, Chlorhexidine digluconate 0.074% (Tổng các thành phần dao động từ 6.2% đến 6.9%) - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít (±5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	357
10	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme (05 loại): protease, lipase, amylase, mannanase, cellulase, can 5 lít	- Thành phần: protease < 0.1%, lipase < 0.1%, amylase < 0.1%, mannanase < 0.1%, cellulase < 0.1% - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít (±5%) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	480
11	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme (04 loại): Subtilisins, lipase, amylase, cellulase, can 5 lít	- Thành phần: Subtilisins (<1%), 1.2-benzisothiazol-3(2H)-one (<0.05%), lipase (<0.1%), amylase (<0.1%), và Cellulase (<0.1%), - Dạng bào chế: lỏng - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Thể tích đóng gói 5 lít (±5%) - Đạt tiêu chuẩn ISO/CE*/FDA	Can	390
12	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dùng trong phun sương khử khuẩn bề mặt môi trường chứa Hydrogen Peroxide 6%, chai 1 lít	- Thành phần: Hydrogen Peroxide 5.7% đến 6.3% + Ion Ag 15-75ppm (0.0015-0.0075%) - Dạng bào chế: lỏng - Thời gian tiếp cận phòng ≤ 60 phút - Thể tích đóng gói 1 lít (±5%) - Đạt các tiêu chuẩn ISO/CE*	Chai	685
13	Que thử nồng độ Peracetic acid, trước khi bảo quản	- Định lượng chất Peracetic acid trong màng lọc (Có thể kiểm tra nồng độ Peracetic Acide từ: 400, 600 và 800 ppm) - Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 12 giây - Số lượng đóng gói từ 100 - 150 cái/hộp - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Hộp	10
14	Que thử nồng độ Peracetic acid, sau khi làm sạch	- Định lượng chất Peroxide trong màng lọc (Có thể kiểm tra nồng độ Hydrogen Peroxide từ: 0, 1, 3, 5 và 10 ppm) - Thời gian kiểm tra và đọc kết quả ≤ 20 giây - Số lượng đóng gói từ 100 - 150 cái/hộp - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Hộp	10
15	Dung dịch bảo dưỡng, chống rỉ sét dụng cụ chứa Triethanolamine 8%, Ethoxylated alcohol 5%, chai 750 ml	- Thành phần: Triethanolamine 8%, Ethoxylated alcohol 5% (Tổng các thành phần dao động từ 12.4% - 13.6%) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói từ 750 -1000 ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	12
16	Dung dịch bảo dưỡng, chống rỉ sét dụng cụ chứa Glycolic acid 8%, Ethoxylated Alcohol 5%, chai 750 ml	- Thành phần: Triethanolamine 8%, Ethoxylated alcohol 5% (Tổng các thành phần dao động từ 12.4% - 13.6%) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói từ 750 -1000 ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	15
17	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme dùng làm ẩm dụng cụ, chai 750 ml	- Thành phần: protease, lipase, Amylase, mannanase, cellulase < 5%, 1-(2-methoxy-1-methylethoxy)-2-propanol < 15% - Dạng bào chế: lỏng - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Thể tích đóng gói từ 750 - 1000 ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	110

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
18	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel có pH: 6.5 +/- 0.5, chứa 52% Ethanol, 18% Propane-2-ol, chai 500ml	- Thành phần: Ethanol 52%, Propane-2-ol 18% (tổng các thành phần dao động từ 66.5% đến 73.5%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Thể tích đóng gói 500 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	11.000
19	Khăn lau khử khuẩn bề mặt, thiết bị y tế tẩm Amonium bậc 4 (0.095% Alkylbenzyl Dimethylammonium Chloride, 0.025% Didecyl Dimethylammonium Chloride), gói 100 cái	- Thành phần: Alkylbenzyl Dimethylammonium Chloride 0.095%, Didecyl Dimethylammonium Chloride 0.025% (Tổng các thành phần dao động từ 0.114% đến 0.126%) - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 20 x 20 cm (± 2 cm) - Đóng gói từ 100 -120 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Gói	4.500
20	Khăn lau khử khuẩn bề mặt tẩm Hydrogen Peroxide 0.36%	- Thành phần: Hydrogen Peroxide 0.34% - 0.38% - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 26 x 20 cm (± 2 cm) - Đóng gói từ 100 -120 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Gói	1.000
21	Khăn lau khử khuẩn bề mặt tẩm QAC và alcohol	- Thành phần: Didecyl dimethylammonium Chloride 0.76%, Ethanol 7.5%, Isopronanol 15% (tổng các thành phần dao động từ 22.1% đến 24.4%) - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 15 cm x 17cm (± 2 cm) - Đóng gói từ 150 - 200 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Gói	200
22	Khăn lau khử khuẩn bề mặt, thiết bị y tế tẩm Alcohol (62% Ethanol), gói 120 cái	- Thành phần: Ethanol 62%, N-(3-Aminopropyl)-N-dodecylpropane-1,3-diamine 0.15% (Tổng các thành phần dao động từ 59% đến 65%) - Khăn được làm từ chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) - Dạng bào chế: khăn tẩm hóa chất - Kích thước khăn 15 x 20 cm (± 2 cm) - Đóng gói từ 100 -120 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Gói	158
23	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng bề mặt phương tiện, thiết bị y tế, hoạt chất Amonium bậc 4 (0.095% Alkylbenzyl Dimethylammonium Chloride, 0.025% Didecyl Dimethylammonium Chloride), chai 750ml	- Thành phần: Alkylbenzyl Dimethylammonium Chloride 0.095%, Didecyl Dimethylammonium Chloride 0.025% (Tổng các thành phần dao động từ 0.114 đến 0.126%) - Dạng bào chế: lỏng (chai xịt) - Thể tích đóng gói từ 750 - 1000ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Chai	300
24	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng bề mặt phương tiện, thiết bị y tế hoạt chất alcohol (62% Ethanol), chai 500ml	- Thành phần: Ethanol 62%, N-(3-Aminopropyl)-N-dodecylpropane-1,3-diamine 0.15% (Tổng các thành phần dao động từ 59% đến 65.3%) - Dạng bào chế: lỏng (chai xịt) - Thể tích đóng gói từ 500 - 1000ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Chai	200

20/4

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
25	Hóa chất tẩy rửa dụng cụ chứa 2.5% Protease + 2.75% Didecyl Dimethylammonium Chloride, gói 25g	- Thành phần: Protease 2.5%, Didecyl Dimethylammonium Chloride 2.75% (Tổng các thành phần dao động từ 5% đến 5.5%) - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: bột - Thể tích đóng gói 25gram ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Gói	8.980
26	Hóa chất tẩy rửa dụng cụ chứa 2.5% Protease + 2.75% Didecyl Dimethylammonium Chloride, thùng 2kg	- Thành phần: Protease 2.5%, Didecyl Dimethylammonium Chloride 2.75% (Tổng các thành phần dao động từ 5% đến 5.5%) - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: bột - Thể tích đóng gói từ 2-5 kg - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Thùng	684
27	Hóa chất tẩy rửa dụng cụ chứa 2.5% Protease + 2.75% Didecyl Dimethylammonium Chloride, gói 5g	- Thành phần: Protease 2.5%, Didecyl Dimethylammonium Chloride 2.75% (Tổng các thành phần dao động từ 5% đến 5.5%) - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: bột - Thể tích đóng gói 5gram ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Gói	9.200
28	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dùng trong phun sương khử khuẩn bề mặt môi trường chứa Hydrogen Peroxide 7.5%, can 5 lít	- Thành phần: Hydrogen peroxide 7.125 - 7.875 % + Ion Ag 15-150ppm (0.0015-0.015%) - Thời gian tiếp cận phòng ≤ 120 phút - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít ($\pm 5\%$) - Đạt các tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Can	200
29	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel có 63% Ethanol, sử dụng theo máy phân lượng (dạng cơ), chai 1200ml	- Thành phần: Ethanol 63%, Isopropyl Alcohol 3.4 % (Tổng các thành phần dao động từ 63% đến 69%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều, sử dụng với máy phân lượng dạng cơ - Thể tích đóng gói từ 1200-1500 ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	600
30	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel có 63% Ethanol, chai 354ml	- Thành phần: Ethanol 63%, Isopropyl Alcohol 3.4 % (Tổng các thành phần dao động từ 63% đến 69%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều - Thể tích đóng gói từ 354 - 500ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	2.490
31	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh dạng gel có 63% Ethanol, sử dụng theo máy phân lượng (tự động), chai 1200ml	- Thành phần: Ethanol 63%, Isopropyl Alcohol 3.4 % (Tổng các thành phần dao động từ 63% đến 69%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: gel - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều, sử dụng với máy phân lượng dạng tự động - Thể tích đóng gói từ 1200 -1500 ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	480

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
32	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa 0.5% Benzalkonium Chloride, sử dụng theo máy phân lượng (dạng cơ), chai 1200 ml	- Thành phần: Benzalkonium Chloride 0.475%-0.525% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều, sử dụng với máy phân lượng dạng cơ - Thể tích đóng gói từ 1200 - 1500 ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	86
33	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa 0.5% Benzalkonium Chloride, sử dụng theo máy phân lượng (tự động), chai 1200 ml	- Thành phần: Benzalkonium Chloride 0.475%-0.525% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói từ 1200 - 1500 ml ($\pm 5\%$) - Bình kín tuyệt đối, dung dịch đi ra 1 chiều, sử dụng với máy phân lượng dạng tự động - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	133
34	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật (Rửa tay ngoại khoa) 4% Chlorhexidine Gluconate, can 5 lít	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 4%, Isopropanol 3-10%. - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Can	532
35	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật (Rửa tay ngoại khoa) 4% Chlorhexidine Gluconate, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 4%, Isopropanol 3-10%. - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	345
36	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có 45% ethanol, 18% kl/tt n-propanol, chai 100 ml	- Thành phần: Ethanol 45%, n-propanol 18% (Tổng các thành phần dao động từ 60% đến 66%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 100 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	2.350
37	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có 45% ethanol, 18% kl/tt n-propanol, chai 500 ml	- Thành phần: Ethanol 45%, n-propanol 18% (Tổng các thành phần dao động từ 60% đến 66%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	4.540
38	Dung dịch rửa vết thương chứa 7.5% Povidone iodine, chai 500 ml	- Thành phần: Povidone iodine 7.5% - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói từ 500 - 1000 ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	830
39	Dung dịch rửa vết thương dạng lỏng chứa 0.1% Betaine + 0.1% polyhexadine, chai 350 ml	- Thành phần: Polyhexanide 0.1% và Betaine 0.1% (Tổng các thành phần dao động từ 0.19% đến 0.21%) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 350 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	5.120
40	Dung dịch rửa vết thương dạng lỏng chứa 0.1% Betaine + 0.1% polyhexadine, ống 40ml	- Thành phần: Polyhexanide 0.1% và Betaine 0.1% (Tổng các thành phần dao động từ 0.19% đến 0.21%) - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 40 ml ($\pm 5\%$) - Đạt các tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Ống	125

Handwritten signature

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
41	Dung dịch rửa vết thương dạng gel chứa 0.1% Betaine + 0.1% polyhexadine, chai 30ml	- Thành phần: Polyhexanide 0.1% và Betaine 0.1% (Tổng các thành phần dao động từ 0.19% đến 0.21%) - Dạng bào chế: gel - Thể tích đóng gói 30 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	576
42	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ trung bình 20% ki/ki Cocopropylene Diamine, chai 1 lít	- Thành phần: Cocopropylene Diamine 19-21% - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 1 lít ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Chai	37
43	Dung dịch tắm trước phẫu thuật chứa 3.9% ki/ki Chlorhexidine digluconate (tương đương 4% ki/tt), chai 100 ml	- Thành phần: chlorhexidine gluconate /chlorhexidine digluconate 4% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 100 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	500
44	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật (Rửa tay ngoại khoa) 4% Chlorhexidine digluconate, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	230
45	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa 2% Chlorhexidine Gluconate, can 5 lít	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 2% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 5 lít ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Can	300
46	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong rửa tay thường quy với nước chứa 2% Chlorhexidine Gluconate, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 2% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	2.793
47	Dung dịch rửa tay sát khuẩn nhanh có chứa 0.5% Chlorhexidine Gluconate + 70% Ethanol, chai 500ml	- Thành phần: Chlorhexidine Gluconate 0.5%, Ethanol 70% (Tổng các thành phần dao động từ 67 đến 74%) - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) $\leq 3\%$ hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 500 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Chai	5.310
48	Dung dịch rửa vết thương chứa 1% Povidone iodine + 50% 2-propanol, chai 250 ml	- Thành phần: Povidone Iodine 1%, 2-propanol 50% (Tổng các thành phần dao động từ 48.5% - 53.5%) - Dạng bào chế: lỏng (chai xịt) - Thể tích đóng gói từ 250-500 ml - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Chai	2.630
49	Dung dịch rửa vết thương chứa 7.5% Povidone iodine, chai 100 ml	- Thành phần: 7.4-7.5% Povidone iodine - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 100 ml ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Chai	42.350
50	Dung dịch rửa tay sát khuẩn dùng trong phẫu thuật (Rửa tay ngoại khoa) 4% Chlorhexidine digluconate, can 5 lít	- Thành phần: Chlorhexidine digluconate 4% - Làm mềm, giữ ẩm: Glycerol (Glycerine) hoặc tương đương - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói 05 lít ($\pm 5\%$) - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN/ASTM E	Can	600

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
51	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ cao 0.55% Ortho-Phthalaldehyde	- Thành phần: 0.55% Ortho-Phthalaldehyde - pH 7.0-7.8 - Chất ổn định sản phẩm: chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: dung dịch - Thể tích đóng gói từ 3.78 - 5 lít - Kèm theo que thử nồng độ - Đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật: EN14561, EN14562, EN14563, EN14476 hoặc tương đương	Lít	14.400
52	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng khử khuẩn mức độ cao Acid peracetic 1000-2000 ppm	- Thành phần: 60% N-Acetylcaprolactam + 3.01% Hydrogen peroxyde (Tổng các thành phần dao động từ 60-66%). Dung dịch sau hoạt hóa thành Acid Peracetic 1000-2000ppm) - Chất ổn định sản phẩm: chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Dạng bào chế: lỏng - Thể tích đóng gói can 5 lít ($\pm 2.5\%$) - Kèm theo que thử nồng độ - Đạt các tiêu chuẩn diệt vi sinh vật: EN14561, EN14562, EN14563, EN14476 hoặc tương đương	Lít	8.500
53	Khăn tắm khô Chlorhexidine digluconate	- Khăn tắm khô định dạng hình găng tay sử dụng một lần chất liệu vải không dệt (Spunlace Emboss/ SMS hoặc tương đương) có trọng lượng 60-70 gsm - Kích thước khoảng 220 x 150 mm (± 5 mm) - Thành phần: Chlorhexidine digluconate 0.1%, Octenidin HCl 9ppm (0.009%). (Tổng các thành phần dao động từ 0.104% đến 0.1145%) - Dạng bào chế: khăn tắm hóa chất - Số lượng đóng gói từ 10 - 20 cái/gói - Đạt tiêu chuẩn ISO	Gói	2.890
54	Hóa chất khử khuẩn mức độ trung bình dạng viên nén chứa 2.5g Troclosense sodium	- Thành phần: 2.5g - 2.7 g Troclosense sodium - Dạng bào chế: viên nén - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Viên	2.890
55	Dụng dịch tẩy rửa dụng cụ đa enzyme: 0.5% Protease + 0.2% Lipase + 0.15% Amylase +0.05% Cellulase, can 3.8 lít	- Thành phần: 0.5% Protease + 0.2% Lipase + 0.15% Amylase + 0.05% Cellulase (Tổng các thành phần dao động từ 0.86 - 0.945%) - pH trung tính - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Thể tích đóng gói can 3,8- 5 lít - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA	Can	345
56	Dụng dịch tẩy rửa dụng cụ chứa 0.5% Protease, chai 1 lít	- Thành phần: Protease 0.475- 0.525% - pH trung tính - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Thể tích đóng gói chai 01 lít - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/EN	Chai	91
57	Dụng dịch tẩy rửa dụng cụ chứa 0.5% Protease, can 5 lít	- Thành phần: Protease 0.475- 0.525% - pH trung tính - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Thể tích đóng gói can 05 lít - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	294
58	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng dụng cụ dùng trong khử khuẩn mức độ trung bình 20% kl/kl Cocopropylene Diamine, can 5 lít	- Thành phần: Cocopropylene Diamine 19-21% - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Thể tích đóng gói can 05 lít - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	80



me

STT	Tên danh mục	Đặc tính kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
59	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ chứa 3% enzyme Savinase 16 lex (protease), can 5 lít	- Thành phần: Protease 2.85 - 3.15% - Có chất hoạt động bề mặt, chất ức chế ăn mòn/ rỉ sét - Thể tích đóng gói can 05 lít - Dạng bào chế: lỏng - Đạt tiêu chuẩn CE*/FDA/ EN	Can	150

Ghi chú: CE = Tiêu chuẩn Châu Âu

CÔNG TY:

ĐỊA CHỈ:

SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TPHCM

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-VTTB của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

STT	DANH MỤC MỜI CHÀO GIÁ		HÀNG HÓA CHÀO GIÁ												
	STT trong danh mục mời chào giá	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Chủng loại /Mã hàng	Hãng/ Nước sản xuất	Hãng/ Nước chủ sở hữu	Số lưu hành/ GPNK	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng (có khả năng cung ứng)	Đơn giá có VAT (VNĐ)	Mã HS (HS code)	Ghi chú	Thông tin người liên hệ
														Chứng minh giá (nếu có): - Tên cơ sở y tế; - QĐ trúng thầu; - Giá trúng thầu	

- Báo giá này có hiệu lực ngày kể từ ngày báo giá.

- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.

- Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

